

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 215/2023/HS-PT.

Ngày: 31/03/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Nguyễn Duy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1171/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị K, Lê Viết S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2022/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích N**; sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: số 41 V, phường T1, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; Con bà Trịnh Thị T2 sinh năm 1974; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con đầu; Chồng: Đoàn Trường S1, sinh năm 1994; Có 02 con (lớn nhất, sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2020). Tiền án; Tiền sự: Không;

Tạm giữ; Tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị N1**; sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: số nhà 40 L, phường Đ, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ Công ty Cổ phần lương thực T; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá S2, sinh năm 1958; Con bà Lê Thị H, sinh năm 1960; Gia

đình có 03 anh chị em, bị cáo là con đầu; Chồng Ngô Văn H1, sinh năm 1983; Có 03 con (lớn nhất, sinh năm 2008, nhỏ nhất, sinh năm 2014); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 15/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị K**; sinh năm 1970; Tên gọi khác: Nguyễn Thị A.

Nơi cư trú: số nhà 58 N2, phường N3, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Xuân M (đã chết); Con bà Lê Thị V1, sinh năm 1948; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con đầu; Chồng Lưu Văn K1, sinh năm 1968; Có 01 con, sinh năm 1993; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/9/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; buộc chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Ngày 08/4/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 48 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, ngày 28/6/2016 được Tòa án nhân dân tỉnh T miễn chấp hành hình phạt tù với lý do: Nguyễn Thị K bị mắc bệnh hiểm nghèo (bị ung thư cổ tử cung giai đoạn cuối), đã chấp hành xong phần dân sự của bản án.

Tạm giữ; Tạm giam: Không. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

4. Họ và tên: **Lê Viết S**; sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: số nhà 50/4/675 H2, phường Đ1, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Viết H3, sinh năm 1958; Con bà Đậu Thị V2, sinh năm 1957; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con đầu; Vợ Cao Thị T3 (đã chết); Có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất, sinh năm 2007); Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/01/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng.

Tạm giữ; Tạm giam: Không. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Thị H4 kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định chỉ xét xử phúc thẩm số 16/2023/HSPT-QĐ ngày 24/02/2023 đối với bị cáo Trần Thị H4; các bị cáo Lê Thu T4 và Nguyễn Việt D không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/8/2020, Trần Thị H4, sinh năm 1973, trú tại: số nhà 12A Đại lộ L1, phường Đ, thành phố T, tỉnh T do có mối quan hệ quen biết từ trước nên đã cùng với các đối tượng: Lê Thu T4 sinh năm 1981, trú tại: số 12A Đại lộ L1, phường Đ, thành phố T; Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983, trú tại: số nhà 16/138 N4, phường Đ1, thành phố T; Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1994, trú tại: số nhà 41 V, phường T1, thành phố T; Nguyễn Thị K, sinh năm 1970, trú tại: số nhà 58 N2, phường N3, thành phố T; Lê Viết S, sinh năm 1984, trú tại: số nhà 50/04/675 H2, phường Đ1, thành phố T; Nguyễn Việt D sinh năm 1968, trú tại: Tiểu khu 19/5 thị trấn N5, huyện M1, tỉnh S3 tham gia đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề qua điện thoại di động.

Cụ thể: Trần Thị H4 nhận số lô, số đề của Lê Thu T4, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị K, Lê Viết S, Nguyễn Việt D để đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề với các đối tượng trên, khi nhận xong, Trần Thị H4 nhắn tin chuyển số lô, số đề cho Nguyễn Thị Bích N để tham gia đánh bạc với Nguyễn Thị Bích N. Hành vi đánh bạc của Trần Thị H4 và các đối tượng trên bị phát hiện, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T đã triệu tập làm việc, nhận thấy hành vi của mình đã vi phạm pháp luật nên các đối tượng đã xin được đầu thú mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Hình thức đánh bạc mua bán số lô, số đề bằng tiền được hiểu như sau: Con bạc chọn các số trong dãy số từ 00 đến 99, sau đó nhắn tin bằng điện thoại di động hoặc ghi trực tiếp để mua số lô, số đề kèm theo số điểm “đ” tương ứng. Kết quả thắng thua căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào 18^h15 hàng ngày. Nếu số lô con bạc mua trùng với 02 chữ số cuối (hàng đơn vị) ở các giải thưởng thì thắng, con bạc sẽ được thắng tiền gấp 04 lần số tiền đánh, tuy nhiên lúc này 01 điểm lô chỉ được tính với giá = 20.000đ, số lô con bạc mua trùng với nhiều giải xổ số thì được nhân tiền thắng lên theo số lần trùng, nhưng tối đa chỉ được tính 3 lần (03 vòng). Nếu số đề con bạc mua trùng với 02 chữ số cuối (hàng đơn vị) của giải đặc biệt thì thắng, con bạc sẽ được thắng tiền gấp 70 lần số tiền đánh.

Ngoài ra, còn có hình thức mua số “đề 03 càng” được hiểu trùng với 03 số cuối giải đặc biệt, thắng gấp 400 lần; “lô xiên 2, xiên 3” được hiểu ghi 02 hoặc 03 số lô một lần kèm theo số điểm tương ứng, 01 điểm lô xiên = 1000đ.

1. Hành vi đánh bạc của Trần Thị H4: Ngày 11/08/2020, Trần Thị H4 sử dụng 02 điện thoại di động và các sim số 0912.130.558 và 0988.825.583 để giao dịch mua, bán số lô, đề từ các đối tượng khác. Trần Thị H4 đã nhận số lô, đề từ nhiều người qua tin nhắn điện thoại, cụ thể như sau:

- Ngày 11/8/2020, Lê Thu T4 sử dụng số điện thoại 0388527735 để nhắn tin vào số điện thoại 0988825583 của Trần Thị H4 với mục đích tham gia đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Tổng cộng Lê Thị Thu T4 nhắn 04 tin SMS để mua số lô, số đề của Trần Thị H4 hết số tiền: 17.300.000đ (Mười bảy triệu ba

trăm nghìn đồng), tuy nhiên theo thỏa thuận số tiền Lê Thu T4 phải trả cho Trần Thị H4 là 15.095.000đ. Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, T4 trúng 200 điểm lô = 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Như vậy, số tiền Lê Thu T4 tham gia đánh bạc với H4 ngày 11/8/2020 là: 15.095.000đ + 16.000.000đ = **31.095.000đ** (Ba một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Ngày 11/8/2020, Nguyễn Thị N1 sử dụng số điện thoại: 0392433862 để nhắn tin SMS vào số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 với mục đích tham gia đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Nguyễn Thị N1 nhắn 01 tin đề mua số lô hết số tiền: 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, Nguyễn Thị N1 trúng 5.000 điểm lô = 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị N1 tham gia đánh bạc với Trần Thị H4 ngày 11/8/2020, là: 110.000.000đ + 400.000.000đ = **510.000.000đ** (Năm trăm mười triệu đồng).

- Ngày 11/8/2020, Nguyễn Thị K sử dụng số điện thoại 0969.650.888 để nhắn tin SMS đến số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 mục đích tham gia đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Nguyễn Thị K nhắn 02 tin đề mua số lô hết số tiền: 7.920.000đ (bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, Nguyễn Thị K trúng 60 điểm lô = 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị K tham gia đánh bạc với Trần Thị H4 ngày 11/8/2020 là: 7.920.000đ + 4.800.000đ = **12.720.000đ** (Mười hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ngày 11/8/2020, Lê Viết S sử dụng số điện thoại 0943.666.098 để nhắn tin SMS đến số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 với mục đích tham gia đánh bạc hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Lê Viết S nhắn 01 tin đề mua số lô, số đề hết số tiền: 3.540.000đ (ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Khi có Kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, S trúng 100 điểm lô = 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền Lê Viết S tham gia đánh bạc với Trần Thị H4 ngày 11/8/2020 là: 3.540.000đ + 8.000.000đ = **11.540.000** (Mười một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Ngày 11/8/2020, Nguyễn Việt D sử dụng số điện thoại 0366.983.216 để nhắn tin SMS đến số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 với mục đích tham gia đánh bạc hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Nguyễn Việt D nhắn 01 tin đề mua số đề hết số tiền: **5.313.000đ** (Năm triệu ba trăm mười ba nghìn đồng). Khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc ngày 11/8/2020, Nguyễn Việt D không trúng số đề nào, do vậy Nguyễn Việt D đã thua toàn bộ số tiền đánh bạc trên.

Quá trình điều tra lại chứng minh được Trần Thị H4 tham gia đánh bạc với các đối tượng trên vào ngày 11/8/2020, thỏa thuận thanh toán tiền thắng thua vào bất kỳ lúc nào sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc và đã thanh toán đầy đủ cho nhau, riêng Nguyễn Thị K đã thanh toán cho Trần Thị H4 số tiền đánh lô là 7.920.000đ nhưng H4 chưa thanh toán số tiền thắng cho Nguyễn Thị K là 4.800.000đ và Nguyễn Việt D chưa thanh toán tiền mua số đề cho Trần Thị H4.

Sau khi nhận tin nhắn lô, đề của những người trên, Trần Thị H4 đã cân bằng sau đó giữ lại một số lượng lô, đề nhất định và có mua thêm một số lô, đề khác sau đó nhắn tin mua số lô đề của Nguyễn Thị Bích N, cụ thể như sau:

Trần Thị H4 sử dụng số điện thoại 0912.130.558 để nhắn tin SMS đến số điện thoại 0853.100.020 của Nguyễn Thị Bích N với mục đích tham gia đánh bạc hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Tổng cộng Trần Thị H4 nhắn 03 tin SMS để mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Bích N hết số tiền: 416.000.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu đồng). Khi có Kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, H4 trúng 11.000 điểm Lô = 880.000.000đ (Tám trăm tám mươi triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền Trần Thị H4 tham gia đánh bạc với Nguyễn Thị Bích N ngày 11/8/2020 là: 416.000.000đ + 880.000.000đ = **1.296.000.000đ** (Một tỷ hai trăm chín sáu triệu đồng). Quá trình điều tra xác định Trần Thị H4 và Nguyễn Thị Bích N đã thanh toán đủ số tiền trên cho nhau.

2. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị Bích N

Ngày 11/08/2020, Nguyễn Thị Bích N sử dụng điện thoại di động và sim số 0853.100.020 để giao dịch mua, bán số lô, đề từ Trần Thị H4, cụ thể như sau:

Ngày 11/8/2020 Trần Thị H4 sử dụng số điện thoại 0912.130.558 để nhắn tin SMS đến số điện thoại 0853.100.020 của Nguyễn Thị Bích N với mục đích tham gia đánh bạc hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Tổng cộng Trần Thị H4 nhắn 03 tin SMS để mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Bích N hết số tiền: 416.000.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu đồng). Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, Trần Thị H4 trúng 11.000 điểm lô = 880.000.000đ (tám trăm tám mươi triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền Trần Thị H4 tham gia đánh bạc với Nguyễn Thị Bích N ngày 11/8/2020 là: 416.000.000đ + 880.000.000đ = **1.296.000.000đ** (Một tỷ hai trăm chín sáu triệu đồng).

3. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị N1

Ngày 11/08/2020, Nguyễn Thị N1 sử dụng điện thoại di động và sim số 0392433862 để giao dịch mua, bán số lô đề với Trần Thị H4, cụ thể như sau:

Nguyễn Thị N1, sử dụng số điện thoại: 0392433862 để nhắn tin SMS vào số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 với mục đích tham gia đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề ăn tiền. Nguyễn Thị N1 nhắn 01 tin để mua số lô hết số tiền: 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, Nguyễn Thị N1 trúng 5000 điểm lô = 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị N1 tham gia đánh bạc với Trần Thị H4 ngày 11/8/2020 là: 110.000.000đ + 400.000.000đ = **510.000.000đ** (Năm trăm mười triệu đồng).

4. Hành vi đánh bạc của Nguyễn Thị K

Ngày 11/08/2020, Nguyễn Thị K sử dụng điện thoại di động và sim số 0969.650.888 để nhắn tin SMS qua số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 (sinh năm 1973), trú tại: số 12A Đại lộ L1, phường Đ, thành phố T, mục đích để tham gia đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với Trần Thị H4, cụ thể như

sau: Ngày 11/8/2020, Nguyễn Thị K nhắn 02 tin SMS cho Trần Thị H4 để mua số lô hết số tiền: 7.920.000đ (Bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, Nguyễn Thị K trúng 60 điểm lô = 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị K tham gia đánh bạc với Trần Thị H4 ngày 11/8/2020, là: 7.920.000đ + 4.800.000đ = **12.720.000đ** (Mười hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Hành vi đánh bạc của Lê Viết S

Ngày 11/08/2020, Lê Viết S sử dụng điện thoại di động và sim số 0943.666.098 để nhắn tin SMS qua số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 với mục đích tham gia đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề, cụ thể như sau: Ngày 11/8/2020, Lê Viết S nhắn 01 tin SMS cho Trần Thị H4 để mua số lô, số đề hết số tiền: 3.540.000đ (Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 11/8/2020, Lê Viết S trúng 100 điểm lô = 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền Lê Viết S tham gia đánh bạc với Trần Thị H4 ngày 11/8/2020 là: 3.540.000đ + 8.000.000đ = **11.540.000đ** (Mười một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

** Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu N6, Model 230 mặt sau màu xám, số seri 1: 357730108210106, số seri 2: 357730109210105; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu N6 Model 230, mặt sau dán họa tiết màu vàng, số seri 1: 357730106081533, số seri 2: 357730107081532. Đây là 02 điện thoại Trần Thị H4 sử dụng vào việc nhắn tin mua bán số lô, đề ngày 11/8/2020.

- Khám xét chỗ ở Nguyễn Thị Bích N đã thu giữ: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số lượng: 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), tạm giữ 01 (một) máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu S4 màu trắng, không rõ số seri; 02 (hai) điện thoại di động bị vỡ không còn khả năng sử dụng, gồm 01 điện thoại I và 01 điện thoại S5, không xác định được số Imei. Ngày 05/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã trả lại số tiền 150.000.000đ và 01 máy tính xách tay trên cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Bích N, do không liên quan đến việc đánh bạc.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu N6 màu trắng, số IMEI 1: 354880081232669, số IMEI 2: 354880081232677; 01 (một) máy tính C màu đen. Đây là điện thoại N1 dùng để nhắn tin mua bán số lô, đề với Trần Thị H4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I 6 màu bạc, số Seri: C37NLS2MG3MN, số IMEI: 354430069756543. Đây là điện thoại Lê Thu T4 dùng nhắn tin mua bán số lô, đề với Trần Thị H4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I 6S màu bạc, số IMEI: 354957073455688. Đây là điện thoại Lê Viết S dùng để nhắn tin mua bán lô, đề với Trần Thị H4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu N6 215, số IMEI 1: 358889072059946, số IMEI 2: 358889072059953. Đây là điện thoại của Bùi

Minh D1 dùng nhả tin mua bán lô, đề với Trần Thị H4. Số vật chứng trên đang lưu giữ tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2021/HSST ngày 08/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên bố các bị cáo Trần Thị H4, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Thu T4, Nguyễn Thị K, Lê Viết S, Nguyễn Việt D phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản (thêm điểm t khoản 1 đối với Trần Thị H4 và Nguyễn Thị N1); khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị H4 48 tháng tù, Nguyễn Thị Bích N 42 tháng tù và Nguyễn Thị N1 24 tháng tù;

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Lê Thu T4, Nguyễn Việt D), xử phạt Nguyễn Thu Trang 12 tháng tù, Nguyễn Thị K 12 tháng tù, Lê Viết S 06 tháng tù, Nguyễn Việt D 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Thị H4, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Lê Thu T4, Nguyễn Thị K và Lê Viết S đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 03/8/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 27/QĐ-VC1-HS kháng nghị Bản án sơ thẩm số 118/2021/HSST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy Bản án sơ thẩm nêu trên để điều tra lại theo thủ tục chung với lý do: Trong vụ án các bị cáo phạm tội ở hai giai đoạn cụ thể:

Giai đoạn 1: Trần Thị H4 đánh bạc với các bị cáo Nguyễn Thị N1, Lê Thu T4, Nguyễn Thị K, Nguyễn Việt D, Lê Viết S. Số tiền từng bị cáo đánh bạc: Nguyễn Thị N1 là 510.000.000đ, Lê Thu T4 31.095.000đ, Nguyễn Thị K 12.720.000đ, Lê Viết S 11.540.000đ và Nguyễn Việt D 5.313.000đ. Trần Thị H4 nhận đánh bạc với tất cả các bị cáo trên nên số tiền là 570.000.000đ.

Giai đoạn 2: Sau khi cân bằng, Trần Thị H4 đánh bạc với Nguyễn Thị Bích N số tiền là 1.296.000.000đ. Do đó số tiền Trần Thị H4 đánh bạc trong vụ án ngày 11/8/2020 là $570.000.000đ + 1.296.000.000đ = 1.886.668.000đ$.

Cấp sơ thẩm kết luận Trần Thị H4 đánh bạc 1.296.000.000đ là chưa đúng với thực tế. Vậy nên Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính của Trần Thị H4 563.920.000đ, Lê Thu T4 905.000đ và Lê Viết S 4.460.000đ là chưa chính xác.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 72/2022/HS-PT ngày 11/02/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 27/QĐ-VC1-HS ngày 03/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy Bản án sơ thẩm số 118/2021/HSST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T để điều tra lại theo thủ tục chung.

** Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã tiến hành điều tra lại vụ án để làm rõ những tình tiết mới nêu trên, kết quả điều tra như sau:*

Trần Thị H4 có hành vi bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị N1, Lê Thu T4, Nguyễn Thị K, Nguyễn Việt D, Lê Viết S với số tiền đánh bạc trong ngày 11/8/2020 là 570.668.000đ (Năm trăm, bảy mươi triệu sáu trăm sáu tám nghìn đồng), ngoài ra Hà còn có vai trò chơi đề, đã có hành vi mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Bích N với số tiền dùng đánh bạc là 1.296.000.000đ (Một tỷ hai trăm chín sáu triệu đồng). Đây là hai hành vi đánh bạc độc lập nên Hà phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.866.668.000đ (Một tỷ, tám trăm sáu sáu triệu, sáu trăm sáu tám nghìn đồng), đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thị Bích N có hành vi bán số lô, số đề cho Trần Thị H4 với số tiền đánh bạc trong ngày 11/8/2020 là 1.296.000.000đ (Một tỷ hai trăm chín sáu triệu đồng), đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thị N1 có hành vi mua số lô, số đề của Trần Thị H4 với số tiền đánh bạc trong ngày 11/8/2020 là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng), đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Lê Thu T4 có hành vi mua số lô, số đề của Trần Thị H4 với số tiền đánh bạc trong ngày 11/8/2020 là 31.095.000đ (Ba một triệu, không trăm chín lăm nghìn đồng), đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thị K có hành vi mua số lô, số đề của Trần Thị H4 với số tiền đánh bạc trong ngày 11/8/2020 là 12.720.000đ (Mười hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng), đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Lê Viết S có hành vi mua số lô, số đề của Trần Thị H4 với số tiền đánh bạc trong ngày 11/8/2020 là 11.540.000đ (Mười một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng), đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Việt D có hành vi mua số lô, số đề của Trần Thị H4 với số tiền đánh bạc trong ngày 11/8/2020 là 5.313.000đ (Năm triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng), đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

** Các vấn đề khác liên quan trong vụ án:*

- Đối với Bùi Minh D1 (sinh năm 1965), trú tại: số nhà 12 ngõ Đ2, phường B, thành phố T, tỉnh T: Ngày 11/08/2020, Bùi Minh D1 sử dụng điện thoại di động và sim số 082.234.4456 nhắn tin SMS qua số điện thoại 0912.130.558 của Trần Thị H4 mua số lô, số đề hết số tiền: 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Khi có Kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc ngày 11/8/2020, Bùi Minh D1 không trúng số lô, số đề nào. Do đó, số tiền Bùi Minh D1 dùng đánh bạc là 1.600.000đ (dưới 5.000.000đ) nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Bùi Minh D1, Công an tỉnh T đã xử phạt hành chính hành vi này đối với Bùi Minh D1.

- Đối với việc N khai có nhận số lô, đề của anh Nguyễn Tấn Đ3 (sinh năm 1979 - chủ quán dê T5) ở phường H5, TP. T sử dụng số điện thoại 0945.654.723 khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng). Tuy nhiên, Nguyễn Tấn Đ3 không thừa nhận, đồng thời khi nghe tin Trần Thị H4 bị bắt, Ngọc đã đập vỡ chiếc điện thoại I 7Plus gắn sim số 0853.100.020, vứt bỏ vào thùng rác gần chợ T6, điện thoại trên Cơ quan Công an không thu giữ được nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Tấn Đ3.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS-P2 ngày 22/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T truy tố các bị cáo Trần Thị H4, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 về tội: “Đánh bạc”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Thu T4, Nguyễn Thị K, Lê Viết S, Nguyễn Việt D về tội: “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2022/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị K và Lê Viết S phạm tội “Đánh bạc”;

Áp dụng điểm b khoản 2; khoản 3 Điều 321; các điểm s và n khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích N 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước;

Áp dụng điểm b khoản 2; khoản 3 Điều 321; các điểm s và t khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 24 (Hai mươi tư) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 12/8/2020 đến ngày 15/8/2020). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38 (Đối với Nguyễn Thị K và Lê Viết S) Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, bị cáo Lê Viết S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị Bích N kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 05/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị N1 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 06/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị K kháng cáo xin giảm hình phạt và

xin được hưởng án treo.

Ngày 03/10/2022, bị cáo Lê Viết S kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Nguyễn Thị Bích N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới: Bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; tiền phạt sung quỹ nhà nước, truy thu số tiền sung quỹ nhà nước tổng số tiền 40.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0000509 ngày 08/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T; Phiếu ủng hộ Quỹ vì người nghèo năm 2023 phường T1 số tiền 2.000.000 đồng; Đơn trình bày bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; các con bị cáo con rất nhỏ lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2020; chồng bị cáo thường xuyên ốm đau bệnh tật không thể lao động, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo xuất trình các tài liệu mới gồm Biên lai thu tiền số AA/2022/0000510 ngày 08/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T bị cáo nộp số tiền truy thu sung quỹ nhà nước 100.000.000 đồng; Đơn trình bày bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo và chồng đã ly hôn, sau khi ly hôn chồng bị cáo bỏ đi không liên lạc được, bị cáo một mình nuôi 03 con nhỏ (con lớn 13 tuổi, con nhỏ 6 tuổi) đang độ tuổi ăn học cần sự nuôi dưỡng, giáo dục của bị cáo; bố mẹ chồng và bố mẹ đẻ bị cáo đều già yếu, thường xuyên ốm đau bệnh tật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo;

Bị cáo Nguyễn Thị K giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo; bản thân bị cáo đang mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối đã được miễn chấp hành hình phạt 01 lần về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; sau khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật tại địa phương (có xác nhận của Ủy ban nhân dân); bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; số tiền bị cáo phạm tội không lớn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo đề giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Viết S giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị K cung cấp thêm các tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị K được hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của

pháp luật; bị cáo Lê Viết S không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Viết S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị K và bị cáo Lê Viết S tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11/8/2020, Trần Thị H4 đã có hành vi đánh bạc với hình thức bán số lô, số đề cho các bị cáo Lê Thu T4, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị K, Lê Viết S và Nguyễn Việt D với tổng số tiền đánh bạc là 570.668.000đ (Năm trăm, bảy mươi triệu sáu trăm sáu tám nghìn đồng); ngoài ra Trần Thị H4 tham gia đánh bạc với hình thức mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Bích N với số tiền dùng đánh bạc là 1.296.000.000đ (Một tỷ hai trăm chín sáu triệu đồng); Tổng số tiền Trần Thị H4 dùng đánh bạc là 1.866.668.000đ (Một tỷ, tám trăm sáu sáu triệu, sáu trăm sáu tám nghìn đồng). Tổng số tiền Nguyễn Thị Bích N tham gia đánh bạc là 1.296.000.000đ (Một tỷ hai trăm chín sáu triệu đồng). Tổng số tiền Nguyễn Thị N1 tham gia đánh bạc là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Tổng số tiền Lê Thu T4 tham gia đánh bạc là 31.095.000đ (Ba một triệu, không trăm chín lăm nghìn đồng). Tổng số tiền Nguyễn Thị K tham gia đánh bạc là 12.720.000đ (Mười hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền Nguyễn Việt D tham gia đánh bạc là 5.313.000đ (Năm triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng) và tổng số tiền Lê Viết S tham gia đánh bạc là 11.540.000đ (Mười một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị K, Lê Viết S đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 Lê

Thị Kim và bị cáo Lê Viết S, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[3.1]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị K xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công tổ chức mà đều tham gia đơn lẻ và độc lập. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Bích N có hành vi bán số lô, số đề cho Trần Thị H4 với số tiền dùng đánh bạc là 1.296.000.000đ (Một tỷ hai trăm chín sáu triệu đồng); Bị cáo Nguyễn Thị N1 là người trực tiếp mua số lô, số đề với tổng số tiền là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Tiếp đến các bị cáo Nguyễn Thị K có hành vi mua số lô, số đề với số tiền đánh bạc là 12.720.000đ (Mười hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng), bị cáo Lê Viết S có hành vi mua số lô, số đề với số tiền đánh bạc là 11.540.000đ (Mười một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng); Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích N: Sau khi phạm tội đã đầu thú, là phụ nữ đang có thai nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xuất trình các tài liệu mới gồm Biên lai thu tiền số AA/2022/0000509 ngày 08/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T thể hiện bị cáo đã nộp số tiền án phí sơ thẩm, tiền phạt sung quỹ nhà nước, truy thu số tiền sung quỹ nhà nước tổng số tiền 40.200.000 đồng; Phiếu ủng hộ Quỹ vì người nghèo năm 2023 phường T1 số tiền 2.000.000 đồng; Đơn trình bày bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; bị cáo có con còn rất nhỏ lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020; chồng bị cáo thường xuyên ốm đau bệnh tật không thể lao động, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Trong quá trình tại ngoại; bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước (Có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố T, tỉnh T). Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị N1: Sau khi phạm tội đã đầu thú. Ngày 06/11/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện T7, tỉnh T có xác nhận về việc ngày 12/9/2020, Nguyễn Thị N1 đã cung cấp thông tin có giá trị giúp Công an huyện T7 phát hiện, bắt giữ một số đối tượng đang có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại thôn E, xã T8, huyện T7. Công an huyện T7 đã khởi tố vụ án hình sự số 69/CSĐT ngày 18/9/2020 và khởi tố bị can số 101/CSĐT đối với các đối tượng trên. Trong quá trình công tác, bị cáo được tặng thưởng giấy khen thành tích trong lao động công tác, tích cực tham gia đóng góp quỹ phòng chống Covid-19 tại địa phương (3.000.000đ), Giám đốc Công ty lương thực T (Nơi bị cáo công tác, trước khi phạm tội) có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, sau

khi bản án sơ thẩm số 118/2021/HSST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên, bị cáo đã tự giác nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung 20.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng khi bản án chưa có hiệu lực pháp luật, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xuất trình các tài liệu mới gồm Biên lai thu tiền số AA/2022/0000510 ngày 08/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T thể hiện bị cáo nộp số tiền truy thu sung quỹ nhà nước 100.000.000 đồng; Đơn trình bày bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo và chồng đã ly hôn, sau khi ly hôn chồng bị cáo bỏ đi không liên lạc được, bị cáo một mình nuôi 03 con nhỏ (con lớn 13 tuổi, con nhỏ 6 tuổi) đang độ tuổi ăn học cần sự nuôi dưỡng, giáo dục của bị cáo; bố mẹ chồng và bố mẹ đẻ bị cáo đều già yếu, thường xuyên ốm đau bệnh tật. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị K: Trong vụ án này, số tiền bị cáo tham gia đánh bạc không lớn 12.700.000 đồng; mặc dù bị cáo có nhân thân xấu, tuy nhiên sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp Giấy xác nhận của Bệnh viện đa khoa tỉnh T về việc bị cáo đang mắc bệnh ung thư cổ tử cung giai đoạn cuối; bị cáo đã được miễn chấp hành hình phạt 01 lần về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân và Công an xã C1, huyện C2, tỉnh T thể hiện sau khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật tại địa phương; Biên lai thu tiền số AA/2022/0000530 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T thể hiện bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo tại địa phương. Do đó, trên cơ sở đánh giá mức độ, hậu quả, việc khắc phục những vi phạm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, thái độ khai báo, chấp hành pháp luật, nhân thân và nơi cư trú của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo đối với các bị cáo; sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm để cho các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị K hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, việc cho các bị cáo này được hưởng án treo không gây ra nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cùng với gia đình giám sát giáo dục là phù hợp để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước và sự khoan hồng của pháp luật mà tu dưỡng bản thân, phấn đấu thành công dân có ích cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3.2]. Xét kháng cáo của xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Viết S, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong vụ án này, mặc dù số tiền bị cáo tham gia đánh bạc không lớn 11.540.000 đồng. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như nhận định của Bản án hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về hành vi đánh bạc, năm 2016, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” nhưng bị cáo không ăn năn hối cải, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội mới cùng loại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Do kháng cáo của bị cáo Lê Viết S không được chấp nhận nên bị cáo Lê Viết S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích N Nguyễn Thị N1 và Lê Thị Kim; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2022/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh T về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Lê Thị Kim;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Viết S; giữ nguyên quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2022/HSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Viết S cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1, Lê Thị Kim, Lê Viết S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2; khoản 3 Điều 321; Điểm s; n khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích N 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng: Điểm b khoản 2; khoản 3 Điều 321; Điểm s; t khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N1 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị K 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích N cho Ủy ban nhân dân (UBND) phường T1, thành phố T, tỉnh T; giao bị cáo Nguyễn Thị N1 cho UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh T; giao bị cáo Lê Thị Kim cho UBND phường N3, thành phố T, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Viết S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Bích N đã nộp số tiền 40.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2022/0000509 ngày 08/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T; Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị N1 đã nộp số tiền 100.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2022/0000510 ngày 08/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T và số tiền 20.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000819 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T; ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị K đã nộp số tiền 200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2022/0000530 ngày 29/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

2. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo của bị cáo Lê Viết S không được chấp nhận nên bị cáo Lê Viết S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- các Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Lệ